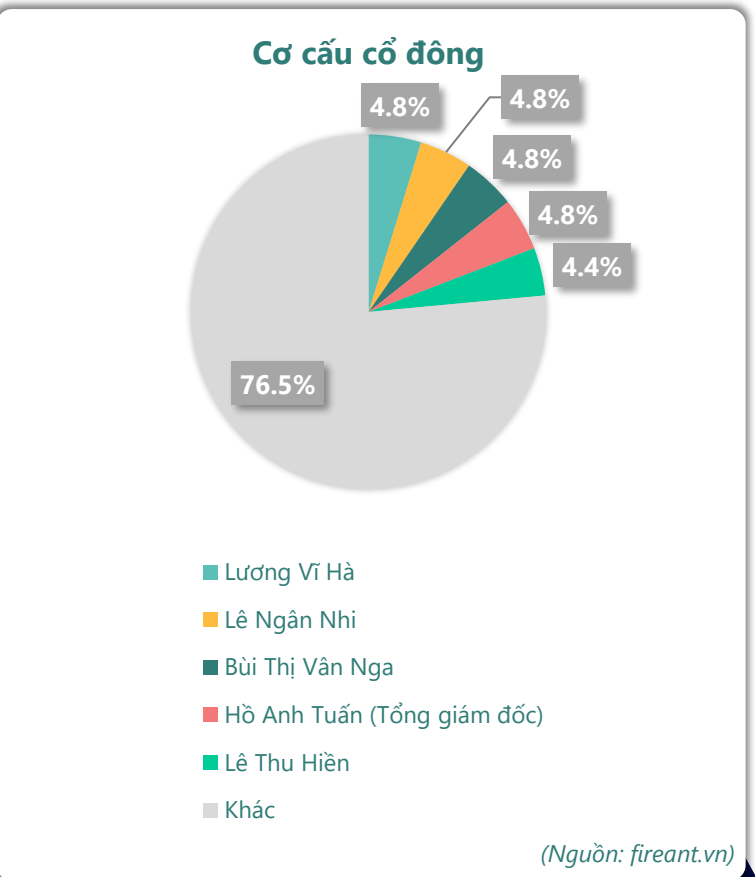
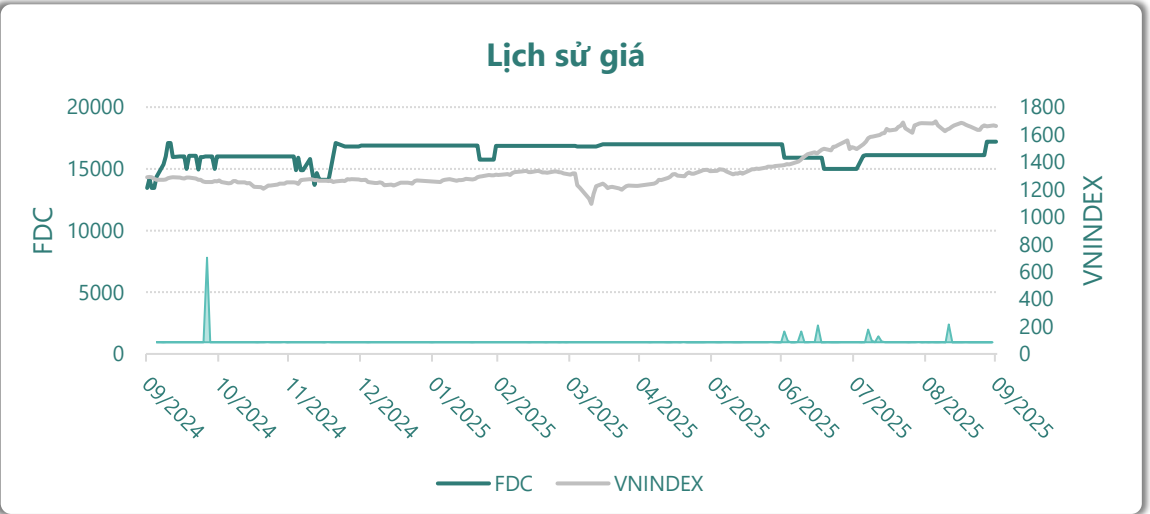
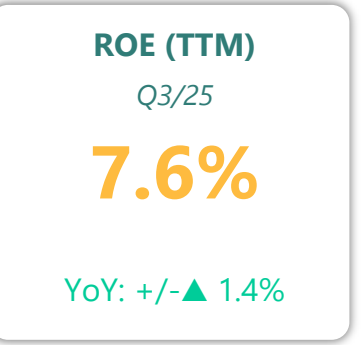
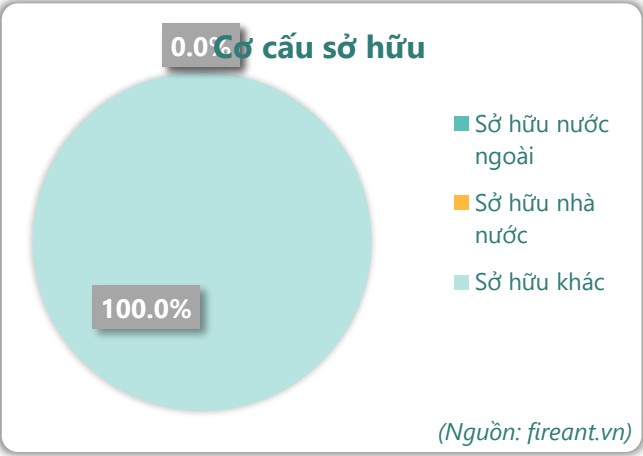


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

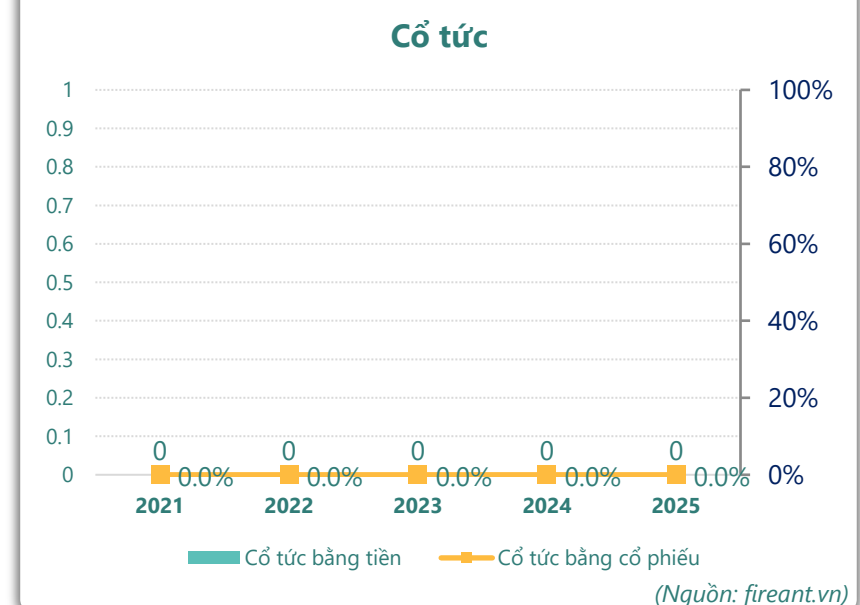
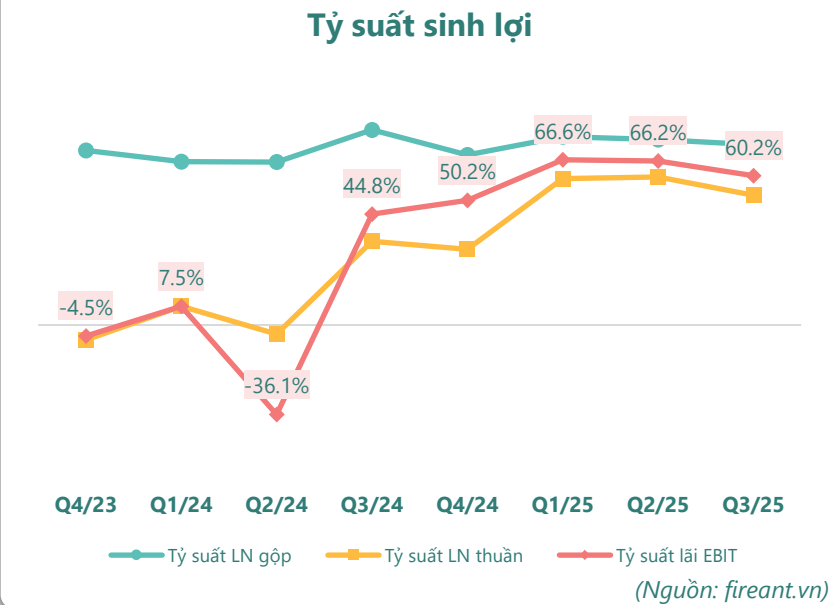
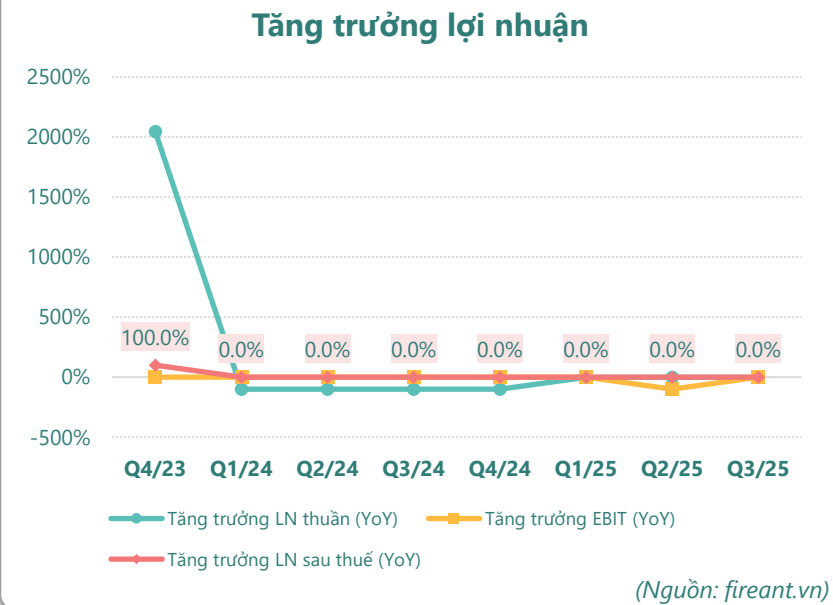
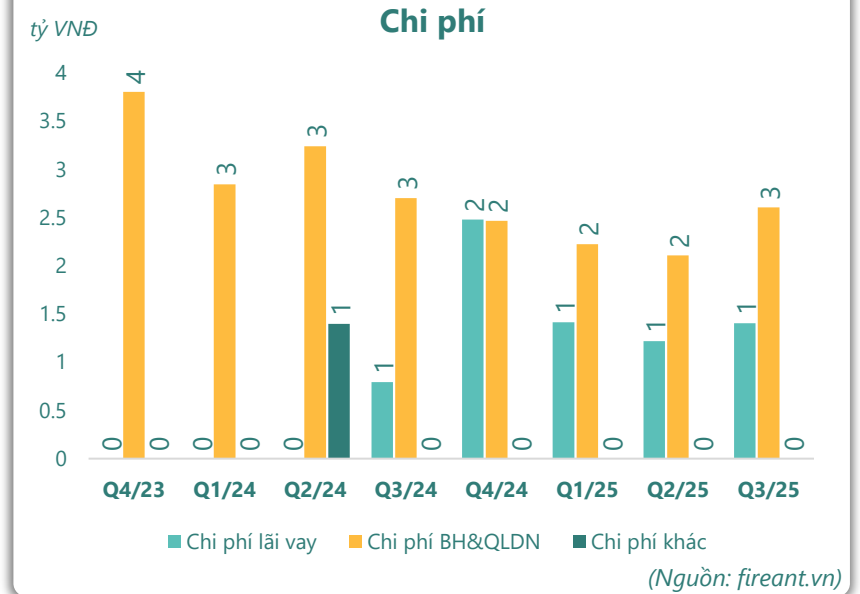
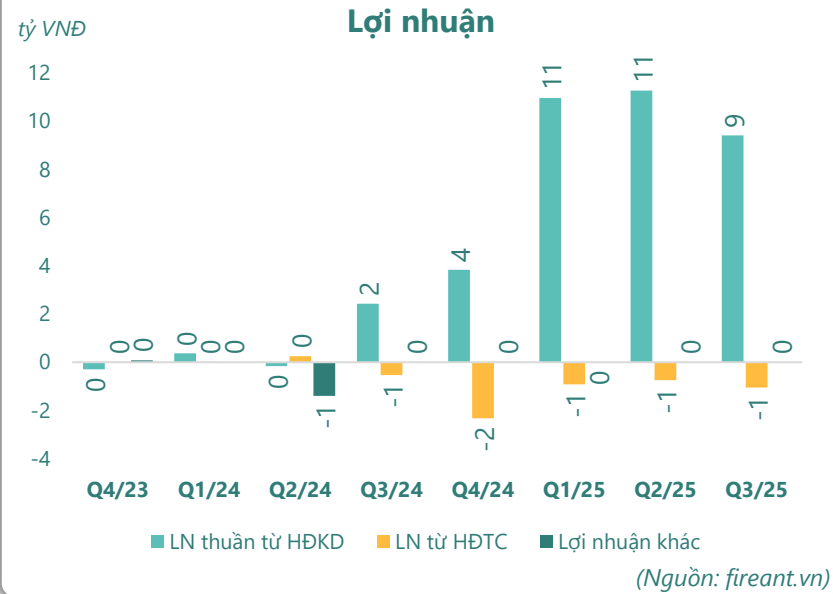
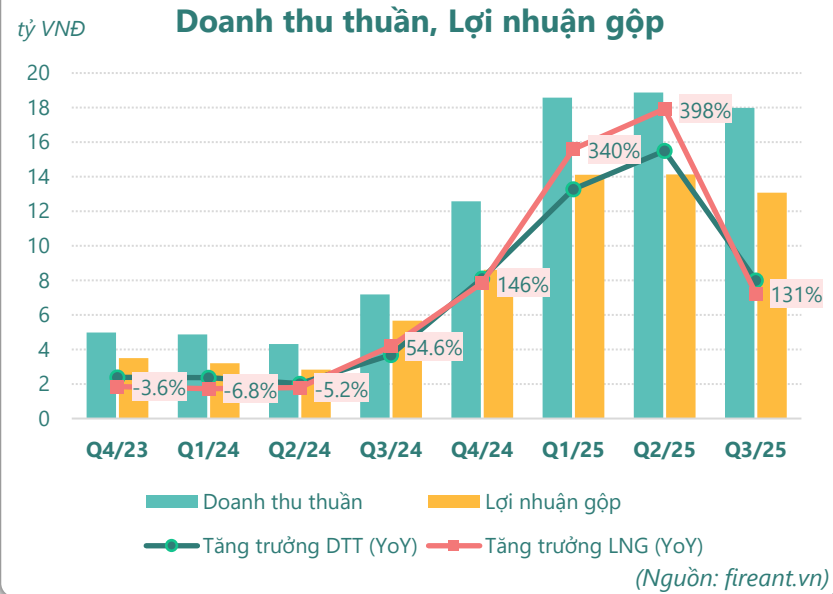
CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/09/2025	17,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.8%	8.2%	2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,450 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	664
Số lượng CPLH (CP)	38,623,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)	713,465
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.05
EPS	919
P/E	18.7



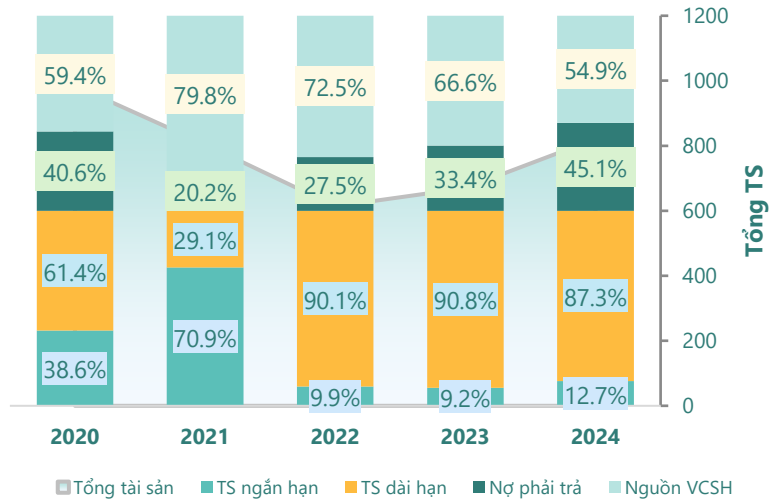
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

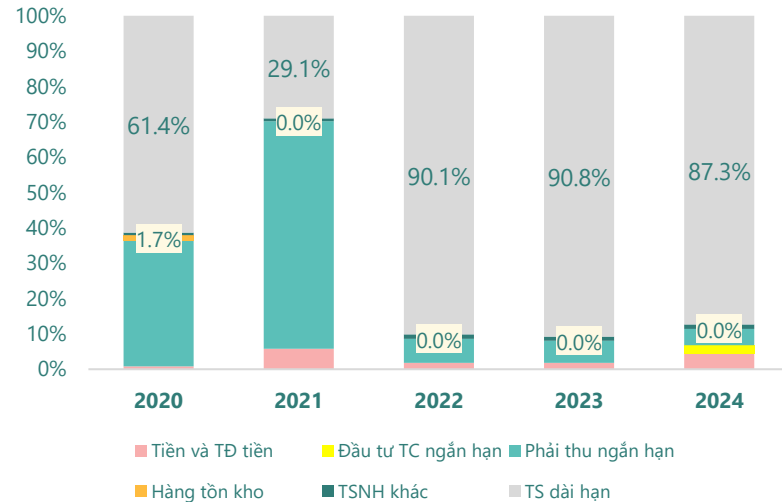
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

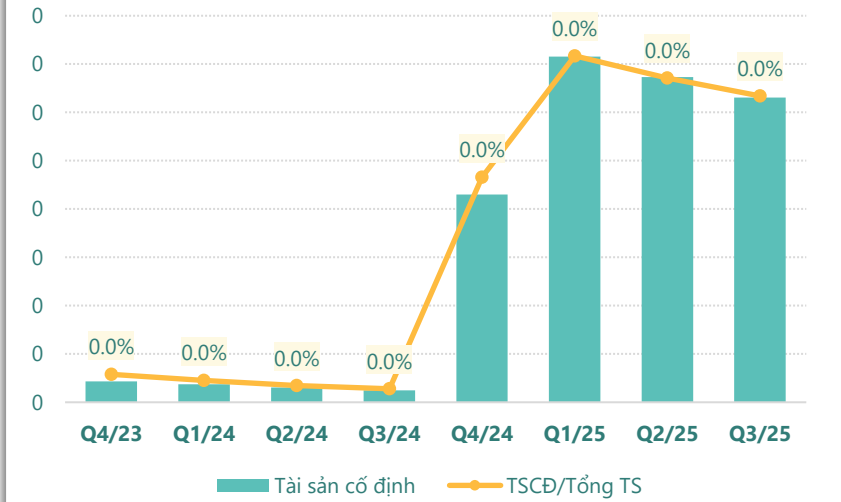
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

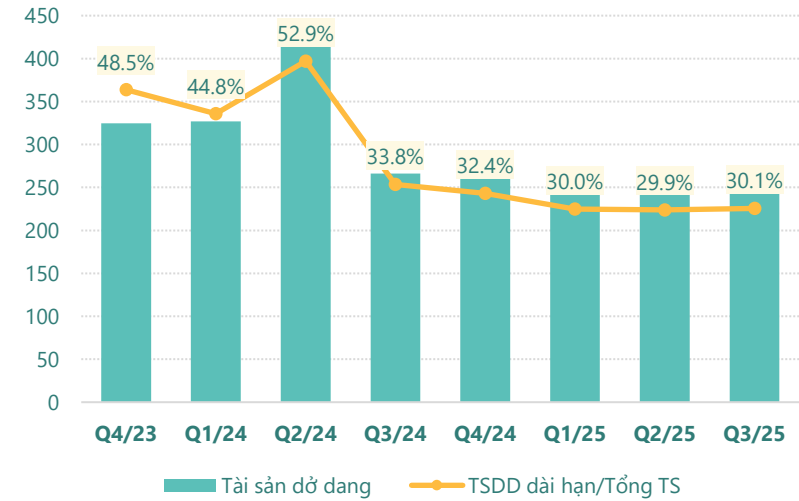
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

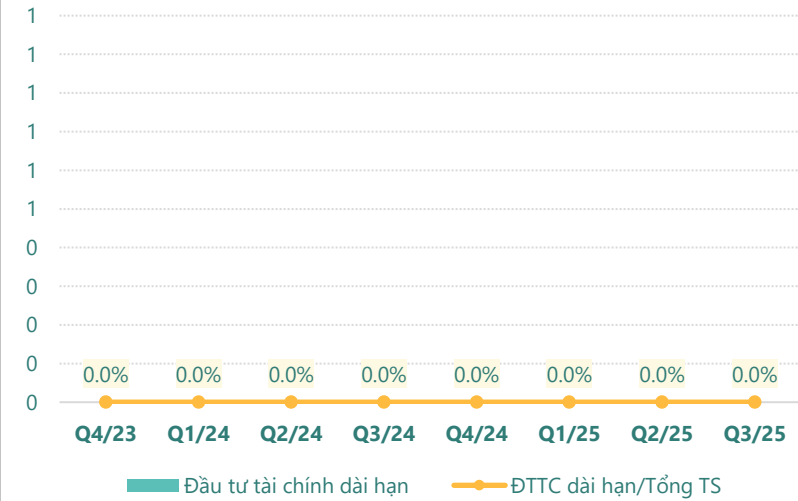
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

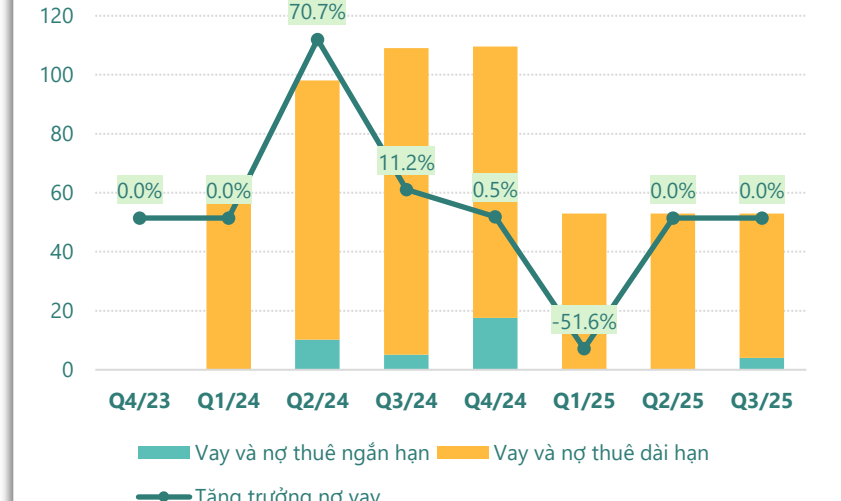
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

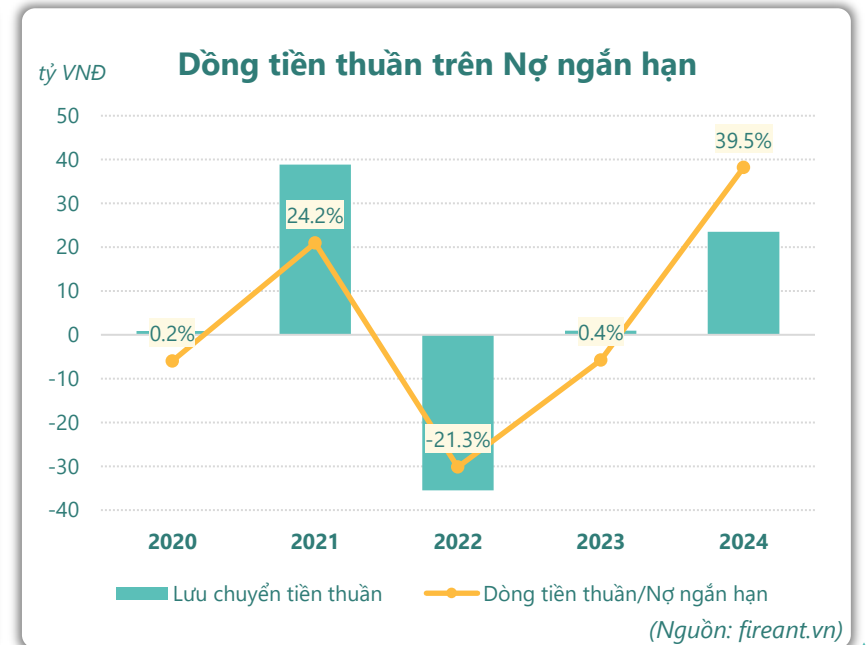
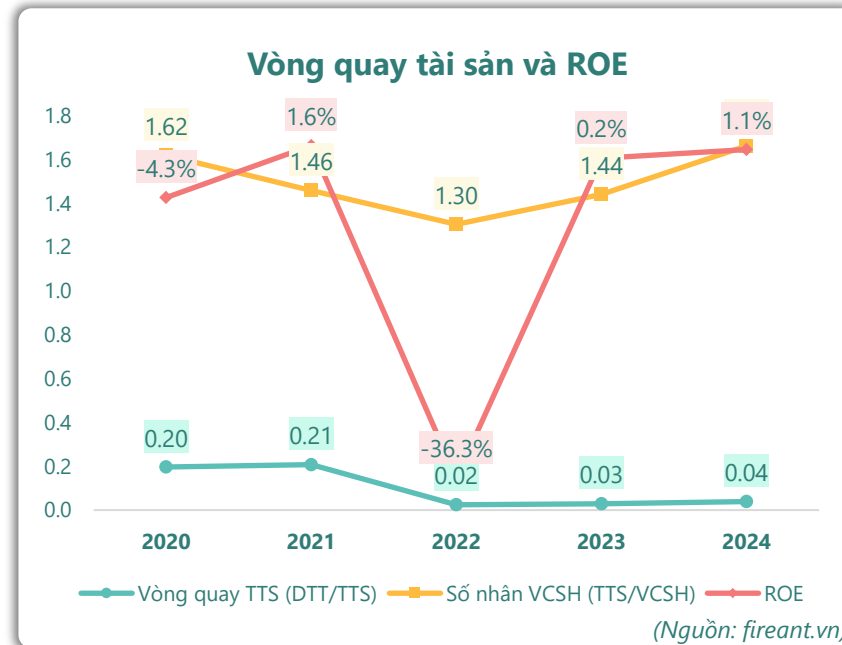
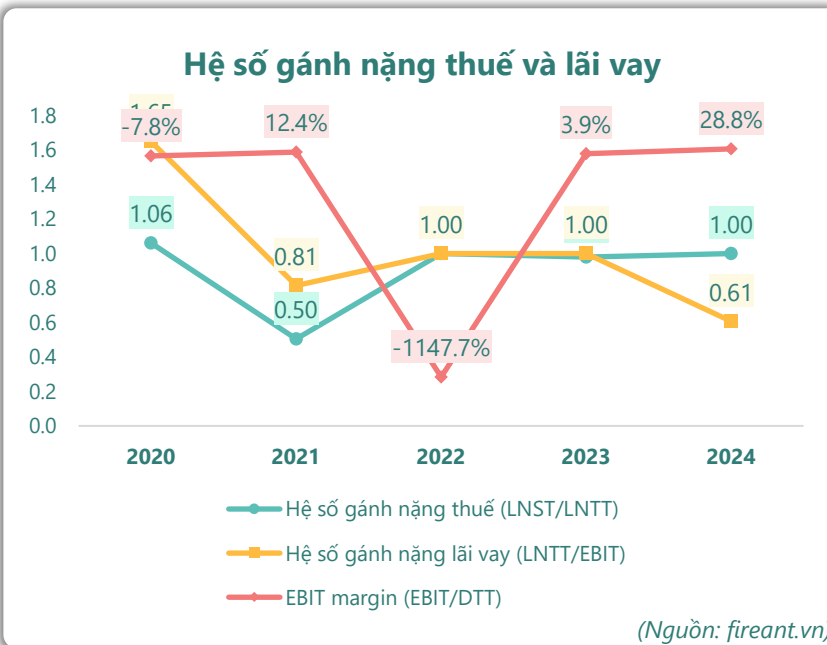
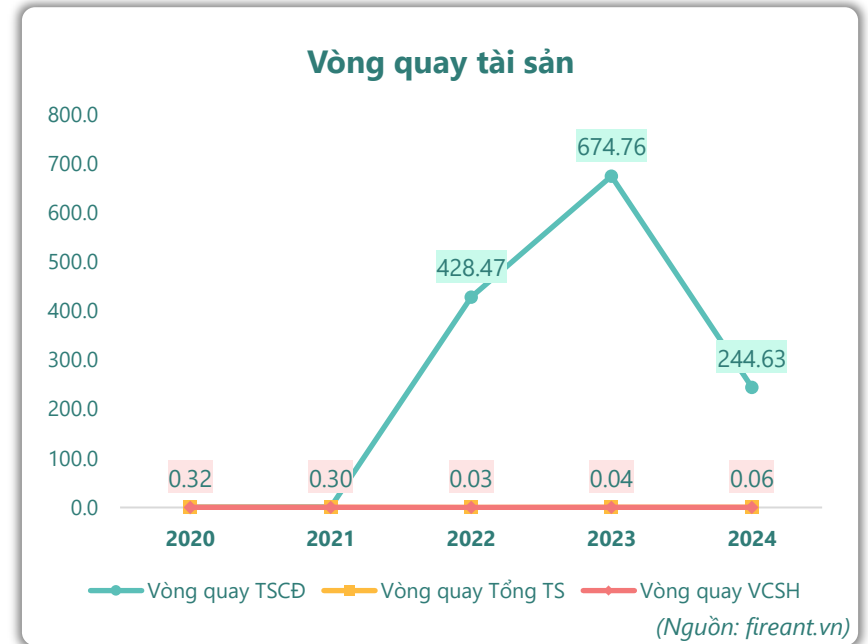
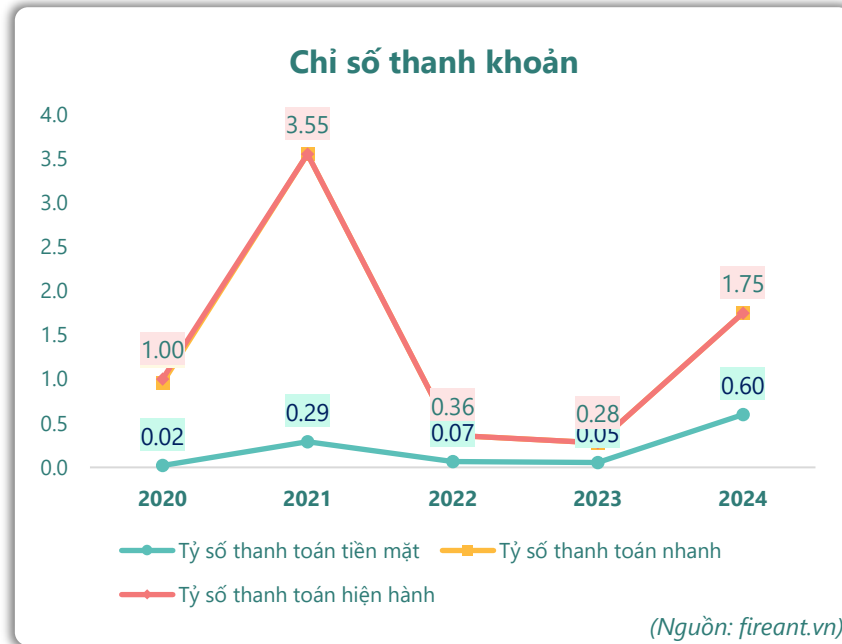
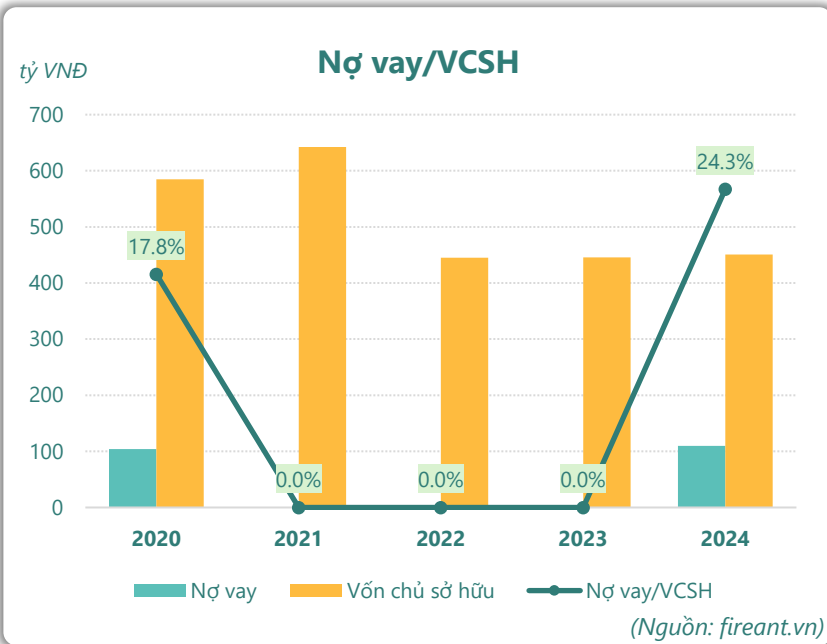
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	18.0	7.19	150%	55.4	16.4	239%
Giá vốn hàng bán	4.90	1.53	221%	14.1	4.67	203%
Lợi nhuận gộp	13.1	5.66	131%	41.3	11.7	253%
Doanh thu HĐTC	0.35	0.26	35.1%	1.31	0.51	157%
Chi phí TC	1.41	0.79	78.0%	4.04	0.79	408%
Chi phí lãi vay	1.41	0.79	78.0%	4.04	0.79	408%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.61	2.70	-3.5%	6.94	8.79	-21.1%
LN thuần từ HĐKD	9.41	2.43	287%	31.6	2.63	1104%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	-1.40	100.0%
LN trước thuế	9.41	2.43	287%	31.6	1.23	2469%
Lợi nhuận sau thuế	9.41	2.43	287%	31.6	1.23	2469%
LNST của CĐ cty mẹ	9.41	2.43	287%	31.6	1.23	2469%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	86.9	-18.4	34.2	61.0	-11.3	-15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-108	1.23	-13.2	-2.74	23.1	0.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.6	11.0	0.50	-56.6	0	0
Tiền đầu kỳ	0.93	20.3	14.1	35.6	37.3	49.1
Lưu chuyển tiền thuần	19.4	-6.18	21.5	1.71	11.8	-14.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.3	14.1	35.6	37.3	49.1	34.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	884	821	7.7%
Tài sản ngắn hạn	66.5	104	-36.1%
Tiền và tương đương tiền	34.4	35.6	-3.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	27.4	37.9	-27.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.77	10.6	-55.1%
Tài sản dài hạn	818	717	14.1%
Phải thu dài hạn	387	280	38.4%
Tài sản cố định	0.32	0.21	46.8%
Bất động sản đầu tư	156	161	-2.8%
Tài sản dở dang	266	266	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.55	9.66	-21.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	402	370	8.6%
Nợ ngắn hạn	56.3	59.5	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.00	17.6	-77.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.14	1.92	-92.8%
Nợ dài hạn	346	311	11.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.0	92.0	-46.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	482	451	7.0%
Vốn chủ sở hữu	482	451	7.0%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

